

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP  
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: .....  
Ngày: 28 -04- 2023

.....





**Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên**  
23 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

---

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Trương Đức Hùng**  
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2023

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.355.209.241.359</b>	<b>3.867.289.030.100</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>1.287.114.956.316</b>	<b>545.154.561.275</b>
111	1. Tiền		1.081.152.956.316	267.126.561.275
112	2. Các khoản tương đương tiền		205.962.000.000	278.028.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>1.954.295.429.744</b>	<b>2.462.926.800.805</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.954.295.429.744	2.462.926.800.805
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>845.350.624.723</b>	<b>674.874.380.782</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	508.383.387.467	342.476.227.730
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	127.128.873.033	91.470.538.315
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	313.691.349.414	306.367.760.583
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(103.852.985.191)	(65.440.145.846)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>08</b>	<b>133.556.389.546</b>	<b>59.615.448.209</b>
141	1. Hàng tồn kho		133.556.389.546	59.615.448.209
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>134.891.841.030</b>	<b>124.717.839.029</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	20.423.246.285	33.509.113.825
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		73.173.998.139	79.752.881.874
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	41.294.596.606	11.455.843.330

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.041.891.056.539</b>	<b>6.905.037.093.206</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>54.541.535.644</b>	<b>51.956.835.665</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	54.541.535.644	51.956.835.665
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.555.706.613.386</b>	<b>1.873.637.929.309</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.385.468.218.825	1.696.831.751.124
222	- Nguyên giá		5.210.309.312.405	4.401.549.389.780
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.824.841.093.580)	(2.704.717.638.656)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	170.238.394.561	176.806.178.185
228	- Nguyên giá		280.370.032.058	279.550.749.058
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(110.131.637.497)	(102.744.570.873)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	12	<b>6.736.852.392</b>	<b>8.945.974.392</b>
231	- Nguyên giá		89.211.835.425	89.211.835.425
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(82.474.983.033)	(80.265.861.033)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>587.039.265.040</b>	<b>1.258.075.266.194</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	587.039.265.040	1.258.075.266.194
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>3.748.326.225.750</b>	<b>3.626.108.535.789</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.054.730.632.915	2.929.685.975.682
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		738.397.870.459	738.397.870.459
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(44.802.277.624)	(41.975.310.352)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>89.540.564.327</b>	<b>86.312.551.857</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	89.530.564.327	86.309.551.857
268	2. Tài sản dài hạn khác		10.000.000	3.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b><u>11.397.100.297.898</u></b>	<b><u>10.772.326.123.306</u></b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

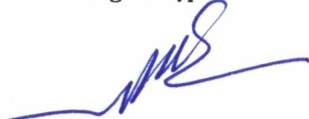
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.301.941.506.317</b>	<b>1.818.491.786.717</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.847.688.989.381</b>	<b>1.424.906.371.044</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	351.344.495.774	244.061.368.388
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	198.746.280.398	166.424.534.019
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	162.432.151.459	166.668.048.484
314	4. Phải trả người lao động		160.905.350.769	124.853.977.719
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	300.764.482.762	76.557.827.167
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		69.128.940.417	104.830.593.503
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	195.277.095.522	195.217.220.403
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	63.827.518.488	61.699.540.758
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		345.262.673.792	284.593.260.603
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>454.252.516.936</b>	<b>393.585.415.673</b>
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn		1.742.400.000	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	123.027.947.264	85.516.916.338
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	187.402.788.820	171.320.837.616
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	116.436.689.908	101.709.444.137
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		265.336.665	-
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		25.377.354.279	35.038.217.582
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.095.158.791.581</b>	<b>8.953.834.336.589</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	20	<b>9.095.158.791.581</b>	<b>8.953.834.336.589</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		6.410.755.000.000	6.410.755.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		421.550.729.181	421.550.729.181
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.049.293.673.154	775.856.384.096
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		462.091.179.695	599.419.859.021
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		<i>175.962.419.924</i>	<i>1.065.738.688.573</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>286.128.759.771</i>	<i>(466.318.829.552)</i>
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		751.468.209.551	746.252.364.291
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>11.397.100.297.898</b>	<b>10.772.326.123.306</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu



Trần Văn Huy

Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Tuệ

Phó Tổng Giám đốc



Trương Đức Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	4.114.250.221.505	1.142.859.661.073
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	594.416.287	93.259.409
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.113.655.805.218	1.142.766.401.664
11	4. Giá vốn hàng bán	24	3.669.830.897.052	1.239.823.127.961
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		443.824.908.166	(97.056.726.297)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	190.577.922.802	150.860.015.367
22	7. Chi phí tài chính	26	31.379.573.803	(1.423.692.361)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		22.494.198.704	19.241.759.472
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		162.142.829.815	(161.329.936.503)
25	9. Chi phí bán hàng	27	103.016.714.417	43.329.092.107
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	361.476.140.680	357.709.290.164
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		300.673.231.883	(507.141.337.343)
31	12. Thu nhập khác	29	35.908.178.587	21.059.780.229
32	13. Chi phí khác		4.035.978.882	2.609.965.946
40	14. Lợi nhuận khác		31.872.199.705	18.449.814.283
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		332.545.431.588	(488.691.523.060)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	23.821.009.503	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	14.727.245.771	45.189.198.964
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>293.997.176.314</u>	<u>(533.880.722.024)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		289.130.977.569	(466.318.829.552)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		4.866.198.745	(67.561.892.472)

Người lập biểu

Trần Văn Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Tuệ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc



Trương Đức Hùng

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>332.545.431.588</b>	<b>(488.691.523.060)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>(128.052.410.715)</b>	<b>155.298.811.094</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		156.954.084.760	144.435.184.135
03	- Các khoản dự phòng		41.505.143.282	(20.186.534.012)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		379.977.426	1.393.008.226
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(345.015.387.616)	10.415.393.273
06	- Chi phí lãi vay		22.494.198.704	19.241.759.472
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(4.370.427.271)	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>204.493.020.873</b>	<b>(333.392.711.966)</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(352.507.963.487)	(74.062.160.743)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(73.834.191.337)	41.046.579.249
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		374.528.209.603	197.355.754.935
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		10.026.114.161	13.933.853.387
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.360.708.315)	(12.792.112.487)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.784.627.472)	(150.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(81.631.743.440)	(31.010.483.370)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>57.928.110.586</b>	<b>(199.071.280.995)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(154.800.908.081)	(375.930.707.613)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.101.277.657	1.144.353.557
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.009.229.605.051)	(3.426.959.701.006)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.517.877.316.337	2.997.452.141.158
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		312.097.568.407	486.745.227.374
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>668.045.649.269</b>	<b>(317.548.686.530)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		47.076.055.053	20.986.261.434
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(28.866.126.123)	(21.091.681.726)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(31.498.321.427)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>18.209.928.930</b>	<b>(31.603.741.719)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>744.183.688.785</b>	<b>(548.223.709.244)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		545.154.561.275	1.093.590.464.584
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.223.293.744)	(212.194.065)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>1.287.114.956.316</u>	<u>545.154.561.275</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu

Trần Văn Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Tuệ

Phó Tổng Giám đốc



Trương Đức Hùng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 26 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: 23 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo hình thức công ty mẹ - công ty con, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300625210 ngày 01 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 26 tháng 10 năm 2021, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Quyết định số 4849/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 01 năm 2014, vốn điều lệ của Tổng Công ty được chấp thuận tăng từ 5.300.000.000 VND lên 6.410.755.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp của chủ sở hữu là 6.410.755.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 4.252 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 4.139 người).

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;
- Dịch vụ vũ trường, sauna - massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty (chăm sóc sắc đẹp), cắt, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, làm sạch hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vui chơi, giải trí, bãi tắm biển;
- Kinh doanh, khai thác dịch vụ cảng sông;
- Dịch vụ cảng và bến cảng;
- Cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thuyền;
- Dịch vụ vận tải đường thủy;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách sạn Cừ Long, khách sạn Đồng Khởi, khách sạn Bến Thành và khách sạn Đệ Nhất) thuộc hệ thống khách sạn của Tổng Công ty;
- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hoá thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư;
- Đại lý ký gửi hàng hoá, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hoá;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;

**Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Vận tải hàng hoá và hành khách đường thủy;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh địa ốc, dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng;
- Kinh doanh taxi;
- Mua bán phụ tùng xe ô tô các loại, xe hơi với hình thức làm đại lý cho các hãng nước ngoài;
- Sửa chữa, bảo trì ô tô, tàu du lịch;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mỳ, bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
- Thiết kế thi công, sửa chữa, trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hoá tiêu dùng, hoá chất;
- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý bán vé tàu hoả; và
- Cho thuê mặt bằng và tổ chức triển lãm, hội nghị và hội chợ.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Sau đại dịch Covid 19, ngành kinh doanh khách sạn, nhà hàng đã có những bước phục hồi mạnh mẽ. Theo đó, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu tăng 260% so với cùng kỳ năm trước.

**Cấu trúc tập đoàn**

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên Doanh Hội Chợ Triển lãm Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	60.00%	Cho thuê mặt bằng và tổ chức triển lãm
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	Quảng Trị	57.85%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	Quảng Ninh	51.39%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	TP. Hồ Chí Minh	100.00%	Lữ hành nội địa và quốc tế
Công ty TNHH Sài Gòn - Bản Giốc	Cao Bằng	80.00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Thương Mại Phú Thọ	Phú Thọ	61.10%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lữ hành
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bể	Bắc Kạn	74.18%	Kinh doanh nhà hàng, ăn uống
Công ty Cổ phần Du lịch Đắc Lắc	ĐẮC LẮK	50.81%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Phú Yên	Phú Yên	62.98%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, ăn uống
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ	Ninh Thuận	52.43%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, ăn uống, lữ hành
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	Phú Yên	54.45%	Kinh doanh nhà hàng, ăn uống

Tổng Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Công ty liên doanh</b>			
Công ty Liên doanh Hữu hạn Khách sạn Chains Caravelle	TP. Hồ Chí Minh	49.00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty TNHH Truyền hình Cáp Saigontourist	TP. Hồ Chí Minh	50.00%	Hoạt động truyền hình, viễn thông, quảng cáo
Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Inn	TP. Hồ Chí Minh	25.00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	TP. Hồ Chí Minh	20.00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ sân golf
Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	Thừa Thiên Huế	50.00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty TNHH Du lịch Thương mại Sài Gòn Cần Thơ	Cần Thơ	50.00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty TNHH Phát triển Nhà Đại An - Saigontourist	TP. Hồ Chí Minh	38.00%	Kinh doanh bất động sản
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	49.00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Sài Gòn Quê Hương	TP. Hồ Chí Minh	29.50%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Bình Châu	Bà Rịa - Vũng Tàu	23.83%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, suối nước nóng, lễ hành
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	Lâm Đồng	38.96%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sovico - Phú Quốc	Kiên Giang	25.00%	Kinh doanh khu du lịch sinh thái
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	38.86%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	49.00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Saigontourist	TP. Hồ Chí Minh	25.00%	Kinh doanh khách sạn, bán lẻ
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	Nha Trang	36.70%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên	Nghệ An	48.87%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Vĩnh Long	Vĩnh Long	28.40%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Phát triển A&B	TP. Hồ Chí Minh	25.00%	Kinh doanh cơ sở hạ tầng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Qui Nhơn	Bình Định	22.27%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Sài Gòn Phú Quốc	Kiên Giang	40.67%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	Kiên Giang	37.27%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Quảng Bình	Quảng Bình	36.00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn - Mũi Né	Bình Thuận	33.33%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	28.00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mê Kông	TP. Hồ Chí Minh	28.76%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Tourane	Đà Nẵng	43.33%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - An Phát	TP. Hồ Chí Minh	25.00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
Công ty TNHH TM Dịch vụ Sài Gòn Bông Sen	TP. Hồ Chí Minh	35.00%	Sản xuất thực phẩm
Công ty TNHH Sài Gòn Gòn	TP. Hồ Chí Minh	50.00%	Kinh doanh sân golf

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.